

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ SỐ 2/2000

16/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2016

ĐẾN

Số: 2126

Ngày: 26/12

Chuyên: Ban QL

THÔNG TƯ

Sao các đơn vị

Kính trình Chủ tịch

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định
điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và
lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa
học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công
nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh,
văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ trong nước; tổ chức khoa
học và công nghệ nước ngoài khi đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại
diện tại Việt Nam; cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt
động về khoa học, công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu,
nộp phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.

Điều 2. Người nộp phí

Tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức
khoa học và công nghệ trong nước khi đăng ký hoạt động khoa học và công
nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài khi đăng ký thành lập chi
nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số
08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ phải nộp phí

thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Mức thu phí

Mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thu phí

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là tổ chức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 1 Điều 8 và Điều 21 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ là tổ chức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 2 Điều 8 và Điều 20 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí. Số tiền phí được để lại thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và

thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Thông tư số 166/2010/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học và công nghệ, lệ phí cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đối với những hồ sơ hợp lệ đã nộp trước ngày 01/01/2017 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh từ ngày 01/01/2017 thì thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo quy định tại các Thông tư nêu tại điểm a và b khoản 1 Điều này.

3. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu, phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. /.

Nơi nhận: *KĐ*

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5). 385

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

BIỂU MỨC THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên phí, lệ phí	Mức thu (đồng/1 lần)
I	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ trong nước:	
1	Thẩm định đề cấp lần đầu	3.000.000
2	Thẩm định khi đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; nội dung/ lĩnh vực hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ	2.000.000
3	Thẩm định khi thay đổi vốn; trụ sở chính tổ chức khoa học và công nghệ; thay đổi trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ (trừ trường hợp trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi theo quyết định điều chỉnh địa giới hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)	1.500.000
4	Thẩm định đối với các thay đổi khác	1.000.000
II	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	
1	Thẩm định đề cấp lần đầu, gia hạn	4.000.000
2	Thẩm định đề cấp lại, sửa đổi, bổ sung	3.000.000

